

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Trần Ngọc Tiên	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2022)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Văn Chính**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Số: 1530/2022/BCSX-ICPA.SG

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2022, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Lương Xuân Trường**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1741-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022 (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>778.379.283.736</b>	<b>753.034.399.826</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>108.909.525.847</b>	<b>96.711.586.478</b>
1. Tiền	111		6.009.525.847	2.311.586.478
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.900.000.000	94.400.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.547.613.191</b>	<b>23.663.760.686</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	27.547.613.191	23.663.760.686
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>613.130.061.626</b>	<b>604.080.624.006</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.925.546.779	27.473.336.761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		873.422.500	973.494.510
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	147.201.528.943	143.144.528.943
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	458.527.919.923	455.350.641.844
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.398.356.519)	(22.861.378.052)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>25.701.043.150</b>	<b>25.817.937.982</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.701.043.150	25.817.937.982
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.091.039.922</b>	<b>2.760.490.674</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		367.111.918	16.769.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.061.398.053	1.081.190.725
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.662.529.951	1.662.529.951
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.905.360.385.126</b>	<b>3.819.894.301.028</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>585.365.736.163</b>	<b>500.041.964.305</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	413.005.250.000	340.305.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	172.360.486.163	159.736.714.305
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>626.094.347</b>	<b>729.951.487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	626.094.347	729.951.487
- Nguyên giá	222		3.216.170.971	3.143.834.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.590.076.624)	(2.413.883.084)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.315.190.900.492</b>	<b>3.314.804.447.204</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	2.484.118.823.206	2.484.118.823.206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	831.072.077.286	827.175.623.998
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	3.510.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.177.654.124</b>	<b>4.317.938.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.177.654.124	4.317.938.032
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>4.683.739.668.862</b>	<b>4.572.928.700.854</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.734.753.796.323</b>	<b>1.743.936.513.278</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.128.426.318.637</b>	<b>1.175.552.920.377</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	173.376.290.435	173.234.386.341
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	463.743.722.263	463.743.722.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	276.271.083	205.612.052
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	567.760.685	792.233.869
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	174.459.250.119	220.823.305.821
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	313.723.493.151	315.323.493.151
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.279.530.901	1.430.166.880
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>606.327.477.686</b>	<b>568.383.592.901</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	180.905.727.686	105.846.842.901
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	425.421.750.000	462.536.750.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.948.985.872.539</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>2.948.985.872.539</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	81.310.130.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		925.567.523.958	815.476.659.102
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		800.037.372.053	617.420.256.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		125.530.151.905	198.056.402.149
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>4.683.739.668.862</b>	<b>4.572.928.700.854</b>



**Phùng Thị Thắm**  
Người lập biểu



**Lương Thị Thu Yến**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Chính**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>4.075.566.861</b>	<b>2.294.014.573</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>4.075.566.861</b>	<b>2.294.014.573</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.416.554.049	2.508.100.441
<b>5. Lãi/lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.659.012.812</b>	<b>(214.085.868)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	165.938.979.254	138.944.827.008
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	37.885.751.125	41.566.662.467
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.885.751.125	41.566.662.467
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.182.089.036	4.123.779.274
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>125.530.151.905</b>	<b>93.040.299.399</b>
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	389.689
<b>12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(389.689)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>125.530.151.905</b>	<b>93.039.909.710</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>125.530.151.905</b>	<b>93.039.909.710</b>



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.530.151.905	93.039.909.710
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	176.193.540	179.672.498
Các khoản dự phòng	03	(463.021.533)	(86.795.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(165.938.979.254)	(138.944.827.008)
Chi phí lãi vay	06	37.885.751.125	41.566.662.467
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.809.904.217)	(4.245.377.333)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.384.460.150)	2.740.200.642
Giảm hàng tồn kho	10	116.894.832	1.240.722.168
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.671.353.568)	(972.191.740)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(210.058.012)	1.250.760.376
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.695.820.348)	(30.814.388.960)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.131.200.000)	(815.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(32.785.901.463)</b>	<b>(31.615.374.847)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(72.336.400)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87.073.852.505)	(151.960.394.562)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.943.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.896.453.288)	(15.099.178.082)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	79.300.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	85.498.483.025	172.782.151.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>83.698.840.832</b>	<b>5.722.579.055</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.600.000.000	14.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.315.000.000)	(17.882.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(38.715.000.000)</b>	<b>(3.382.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>12.197.939.369</b>	<b>(29.274.795.792)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>96.711.586.478</b>	<b>109.765.301.070</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60)	<b>70</b>	<b>108.909.525.847</b>	<b>80.490.505.278</b>



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 27 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 20).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh như sau:

Tên công ty	30/06/2022		01/01/2022		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)		
<b>Công ty con</b>						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	51%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	100%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	50,36%	50,71%	Tỉnh Bến Tre	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	51%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tỉnh Bình Dương	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	89,98%	89,98%	89,98%	89,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
<b>Công ty liên doanh</b>						
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	50%	50%	50%	50%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm phí cam kết rút vốn vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay vốn của Công ty. Phí cam kết là một số tiền cố định hoặc tỷ lệ phần trăm của số tiền vay. Phí cam kết rút vốn được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.009.525.847	2.311.586.478
Các khoản tương đương tiền	102.900.000.000	94.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.909.525.847</b>	<b>96.711.586.478</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 15,5 tỷ đồng tiền gửi đang được dùng để bảo lãnh thực hiện các dự án và cầm cố cho khoản vay (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 15 tỷ đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	27.547.613.191	23.663.760.686
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	3.510.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.547.613.191</b>	<b>27.173.760.686</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu các bên liên quan (i)	5.575.779.082	3.780.751.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.945.801.731
Các khách hàng khác	9.821.506.758	9.701.302.758
<b>Cộng</b>	<b>28.925.546.779</b>	<b>27.473.336.761</b>
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.528.880.000	1.320.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.096.638.889	431.312.458
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	544.376.120	-
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	376.445.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.575.779.082</b>	<b>3.780.751.531</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	30/06/2022	01/01/2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>147.201.528.943</b>	<b>143.144.528.943</b>
Công ty CII	104.701.528.943	97.701.528.943
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Tầng CII	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	5.943.000.000
	<b>147.201.528.943</b>	<b>143.144.528.943</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
<b><i>Phải thu bên khác không phải là bên liên quan</i></b>	<b>231.425.250.000</b>	<b>231.425.250.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>181.580.000.000</b>	<b>108.880.000.000</b>
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	177.380.000.000	104.680.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	4.200.000.000
	<b>413.005.250.000</b>	<b>340.305.250.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>560.206.778.943</b>	<b>483.449.778.943</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay** (tiếp theo)**Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay**

Bên vay	Số dư cuối kỳ	Thời hạn cho vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất cho vay	Mục đích cho vay	Tài sản đảm bảo
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>						
Công ty CII	104.701.528.943	1 năm	31/12/2022	11%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	39.500.000.000	3 năm	05/12/2022	9,8%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	3.000.000.000	1 tháng	22/07/2022	10%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công trung tu Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	Không có tài sản đảm bảo
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	5 năm	31/12/2023	11%/năm	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Đảm bảo bằng phần vốn góp của Công ty Tuấn Lộc trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	177.380.000.000	3 năm	25/11/2025	9%- 9,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	5 năm	19/03/2026	8,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo

(i) Khoản hỗ trợ này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2022	01/01/2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	445.034.528.620	443.044.326.507
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	1.841.295.274	706.334.122
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Phải thu người lao động	95.533.015	65.500.000
Các khoản phải thu khác	1.123.959.504	1.101.877.705
	<b>458.527.919.923</b>	<b>455.350.641.844</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	172.360.486.163	159.736.714.305
<b>Cộng</b>	<b>630.888.406.086</b>	<b>615.087.356.149</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
<b>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>445.034.528.620</b>	<b>443.044.326.507</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	195.738.224.083	156.542.865.764
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	153.418.570.017	153.418.570.017
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	90.122.198.535	126.581.051.082
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	5.755.535.985	6.501.839.644
<b>Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn</b>	<b>1.388.483.333</b>	<b>340.484.375</b>
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	1.380.983.333	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	340.484.375
<b>Phải thu khác</b>	<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	600.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>447.023.011.953</b>	<b>443.984.810.882</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	30/06/2022		01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.229.054.213	2.156.369.535	(21.072.684.678)	23.229.054.213	(21.535.706.211)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	-	(869.800.000)	869.800.000	(869.800.000)
Phải thu ngắn hạn khác	455.871.841	-	(455.871.841)	455.871.841	(455.871.841)
<b>Cộng</b>	<b>24.554.726.054</b>	<b>2.156.369.535</b>	<b>(22.398.356.519)</b>	<b>24.554.726.054</b>	<b>(22.861.378.052)</b>

**Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:**

Số đầu kỳ Hoàn nhập dự phòng trong kỳ <b>Số cuối kỳ</b>	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	
	VND	VND	VND	VND
	(22.861.378.052)	(12.137.219.119)		
	463.021.533	86.795.000		
	<b>(22.398.356.519)</b>	<b>(12.050.424.119)</b>		

7. Hàng tồn kho	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.701.043.150	-	26.885.553.527	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	493.497.224	-	499.092.056	-
Hàng hóa	-	-	111.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>25.701.043.150</b>	<b>-</b>	<b>25.817.937.982</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2022	854.759.656	2.257.284.915	31.790.000	3.143.834.571
Mua trong kỳ	-	-	72.336.400	72.336.400
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>854.759.656</b>	<b>2.257.284.915</b>	<b>104.126.400</b>	<b>3.216.170.971</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2022	742.763.099	1.671.119.985	-	2.413.883.084
Khấu hao trong kỳ	33.568.992	127.279.492	15.345.056	176.193.540
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>776.332.091</b>	<b>1.798.399.477</b>	<b>15.345.056</b>	<b>2.590.076.624</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2022	111.996.557	586.164.930	31.790.000	729.951.487
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>78.427.565</b>	<b>458.885.438</b>	<b>88.781.344</b>	<b>626.094.347</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 355.566.734 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022: 303.876.325 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**9. Đầu tư tài chính**

	30/06/2022		01/01/2022			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	94.350.000	943.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-		607.325.833.333	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	28.700.000	335.996.028.454	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-		242.278.623.284	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	21.998.000	219.980.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến		106.590.000.000	-		106.590.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	-	2.498.835	28.448.338.135	-
<b>Cộng</b>		<b>2.484.118.823.206</b>			<b>2.484.118.823.206</b>	
<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh</b>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	831.072.077.286	-	77.141.770	827.175.623.998	-
<b>Cộng</b>		<b>831.072.077.286</b>			<b>827.175.623.998</b>	

Giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí cải tạo văn phòng An Dương Vương	3.480.866.553	2.215.099.485
Hệ thống máy lạnh văn phòng	488.918.178	623.365.904
Phí quản lý tài khoản ngân hàng	207.869.393	1.479.472.643
<b>Cộng</b>	<b>4.177.654.124</b>	<b>4.317.938.032</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	159.455.870.832	159.455.870.832	159.455.870.832	159.455.870.832
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.196.910.159	2.196.910.159	2.055.006.065	2.055.006.065
<b>Cộng</b>	<b>173.376.290.435</b>	<b>173.376.290.435</b>	<b>173.234.386.341</b>	<b>173.234.386.341</b>
<b>(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>				
Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	682.569.030	682.569.030	682.569.030	682.569.030
<b>Cộng</b>	<b>159.455.870.832</b>	<b>159.455.870.832</b>	<b>159.455.870.832</b>	<b>159.455.870.832</b>

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	893.342.263	893.342.263
<b>Cộng</b>	<b>463.743.722.263</b>	<b>463.743.722.263</b>

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty đang sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	485.098.396	-	-	485.098.396
<b>Cộng</b>	<b>1.662.529.951</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.662.529.951</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế đất	-	436.710.716	224.052.538	212.658.178
Thuế thu nhập cá nhân	205.612.052	559.938.643	701.937.790	63.612.905
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>205.612.052</b>	<b>999.649.359</b>	<b>928.990.328</b>	<b>276.271.083</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	567.760.685	672.233.869
Chi phí phải trả khác	-	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>567.760.685</b>	<b>792.233.869</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Phải trả khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn</b>		
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	95.089.939.789	159.781.500.895
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	50.817.624.209	35.741.764.593
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Thủ lao Hội đồng Quản trị	3.555.902.921	-
Các khoản phải trả khác	7.433.200	311.690.333
	<b>174.459.250.119</b>	<b>220.823.305.821</b>
<b>b. Phải trả dài hạn</b>		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	82.610.048.914	86.851.164.129
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư (ii)	90.995.678.772	11.695.678.772
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	<b>180.905.727.686</b>	<b>105.846.842.901</b>
<b>Cộng</b>	<b>355.364.977.805</b>	<b>326.670.148.722</b>
<b>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</b>		
Công ty CII	133.427.673.123	122.592.928.722
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	95.089.939.789	159.781.500.895
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (ii)	90.995.678.772	11.695.678.772
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
<b>Cộng</b>	<b>344.501.641.684</b>	<b>319.058.458.389</b>

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

(ii) Đây là khoản thu hồi vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất thu phí, quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuế tài chính	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
Công ty CII	270.053.493.151	270.053.493.151	3.600.000.000	-	266.453.493.151	266.453.493.151
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>	43.670.000.000	43.670.000.000	-	-	48.870.000.000	48.870.000.000
<b>Cộng</b>	<b>313.723.493.151</b>	<b>313.723.493.151</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>315.323.493.151</b>	<b>315.323.493.151</b>
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành Công ty CII	412.065.300.319	412.065.300.319	-	42.315.000.000	454.380.300.319	454.380.300.319
	57.026.449.681	57.026.449.681	-	-	57.026.449.681	57.026.449.681
	(43.670.000.000)	(43.670.000.000)	-	-	(48.870.000.000)	(48.870.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>425.421.750.000</b>	<b>425.421.750.000</b>	<b>-</b>	<b>42.315.000.000</b>	<b>462.536.750.000</b>	<b>462.536.750.000</b>

Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CII	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	48.470.000.000	1 năm	13/04/2023	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	<b>270.053.493.151</b>					
<b>Vay dài hạn</b>						
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	83.383.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-10,75%	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-10,75%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu.
	<b>469.091.750.000</b>					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

**16. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

**Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	43.670.000.000	48.870.000.000
Trong năm thứ hai	111.739.449.681	81.828.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	160.000.000.000	187.026.449.681
Sau năm năm	153.682.300.319	193.682.300.319
<b>Cộng</b>	<b>469.091.750.000</b>	<b>511.406.750.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(43.670.000.000)	(48.870.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>425.421.750.000</b>	<b>462.536.750.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>618.590.251.953</b>	<b>2.632.105.780.427</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	93.039.909.710	93.039.909.710
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>710.460.166.663</b>	<b>2.723.975.695.137</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	105.016.492.439	105.016.492.439
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>815.476.659.102</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>815.476.659.102</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	125.530.151.905	125.530.151.905
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.902.820.107	(9.902.820.107)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.980.564.021)	(1.980.564.021)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3.555.902.921)	(3.555.902.921)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>91.212.950.485</b>	<b>925.567.523.958</b>	<b>2.948.985.872.539</b>

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 4 năm 2022.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 4 năm 2022 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2021 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ dự kiến là 6%.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.960.371.459	938.554.710
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	1.115.195.402	1.355.459.863
<b>Cộng</b>	<b>4.075.566.861</b>	<b>2.294.014.573</b>

***Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan***

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.080.933.924	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.003.895.402	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	698.929.294	300.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	558.597.417	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	324.092.642	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	136.363.636	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	65.454.546	-
<b>Cộng</b>	<b>3.868.266.861</b>	<b>600.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.305.254.049	1.206.858.973
Giá vốn hoạt động thi công, lắp đặt	111.300.000	1.301.241.468
<b>Cộng</b>	<b>1.416.554.049</b>	<b>2.508.100.441</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	137.196.602.864	116.320.219.053
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.742.376.390	22.624.607.955
<b>Cộng</b>	<b>165.938.979.254</b>	<b>138.944.827.008</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con</b>	<b>137.196.602.864</b>	<b>116.320.219.053</b>
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	64.691.561.106	1.470.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	39.195.358.319	54.588.117.570
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	27.554.147.453	46.828.215.209
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	5.755.535.986	13.433.886.274
<b>Lãi hỗ trợ vốn</b>	<b>13.873.227.197</b>	<b>7.736.351.894</b>
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	6.215.643.055	1.459.884.334
Công ty CII	5.459.659.560	2.403.890.116
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.946.252.777	1.946.252.777
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	174.950.138	253.815.626
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	69.221.667	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	7.500.000	95.783.014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	1.576.726.027
<b>Cộng</b>	<b>151.069.830.061</b>	<b>124.056.570.947</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí lãi vay	37.885.751.125	41.566.662.467
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan</i>		
Công ty CII	16.294.403.961	15.741.997.523

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.909.678.558	2.034.644.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	505.424.504	173.863.223
Chi phí khấu hao	1.187.631.164	20.246.114
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(463.021.533)	(86.795.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.554.788.235	1.485.869.197
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	487.588.108	495.951.523
<b>Cộng</b>	<b>5.182.089.036</b>	<b>4.123.779.274</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>125.530.151.905</b>	<b>93.039.909.710</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	578.331.061	389.689
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(137.196.602.864)	(116.320.219.053)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(11.088.119.898)</b>	<b>(23.279.919.654)</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(11.088.119.898)</b>	<b>(23.279.919.654)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<b>Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Chi đầu tư vào công ty liên doanh	3.896.453.288	-
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	3.600.000.000	14.500.000.000
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	42.315.000.000	17.882.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) (*)	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (**)	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết của tập đoàn

(\*) Trong kỳ, Công ty mẹ CII đã thoái vốn một phần, Công ty NBB từ công ty con trở thành công ty liên kết của CII.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty SII, một công ty con của CII đã thoái vốn một phần vốn, Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku từ công ty con trở thành công ty liên kết của SII.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**VIII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.600.000.000	14.500.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	11.000.000.000	45.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	4.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.943.000.000	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	409.706.042	685.321.558
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	43.500.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	-	1.576.726.027
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>		
Nhận tiền cổ tức	6.501.839.645	85.770.000.000
Nhận trước tiền vốn góp của chủ sở hữu	79.300.000.000	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	1.946.252.777	1.946.252.777
<b>Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	72.700.000.000	61.880.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	4.834.659.722	970.001.001
<b>Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình</b>		
Nhận tiền cổ tức	64.013.000.000	43.947.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	4.200.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	174.950.138	95.783.014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	761.911.233	724.651.977
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	448.058.517	419.852.252
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	192.062.501	-
<b>Cộng</b>		<b>1.402.032.251</b>	<b>1.144.504.229</b>

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng.

Một số số liệu trên Bảng Cân đối kế toán riêng đầu kỳ đã được phân loại lại để đảm bảo tính so sánh với số liệu cuối kỳ. Ảnh hưởng của việc phân loại lại đến số liệu báo cáo đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2021		31/12/2021
		(Số đã báo cáo)	Phân loại lại	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.144.196.364.131</b>	<b>(391.161.964.305)</b>	<b>753.034.399.826</b>
<b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>995.242.588.311</b>	<b>(391.161.964.305)</b>	<b>604.080.624.006</b>
1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	374.569.778.943	(231.425.250.000)	143.144.528.943
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	615.087.356.149	(159.736.714.305)	455.350.641.844
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>3.428.732.336.723</b>	<b>391.161.964.305</b>	<b>3.819.894.301.028</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>108.880.000.000</b>	<b>391.161.964.305</b>	<b>500.041.964.305</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	108.880.000.000	231.425.250.000	340.305.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	-	159.736.714.305	159.736.714.305



**Phùng Thị Thắm**  
Người lập biểu



**Lương Thị Thu Yên**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Chính**  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022